Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

# Chi tiết mã HS 5515.99

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 5515.99 |
| **Mô tả hàng hóa** | Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp / - Vải dệt thoi khác: / - - Loại khác: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 09/11/2026 13:18:43 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/551599/ |

## 2 dòng thuế thuộc 5515.99

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 5515.99.10 | Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp / - Vải dệt thoi khác: / - - Loại khác: / - - - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 5515.99.90 | Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp / - Vải dệt thoi khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác | kg/m/m2 | 18% | 12% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.